TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-HNGĐ	*TC, ngày 13 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc "*Xác định con cho mẹ*"

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Phước Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC tham gia phiên họp: Ông Thạch I Ran- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 196/2025/TLST-VDS ngày 11 tháng 02 năm 2025, về việc "*Yêu cầu xác định con cho mẹ*", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 39/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị T (tên thường gọi B), sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Tống Nhơn Q, sinh ngày 15/9/1997 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu ngày 25/12/2024, của bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1996 bà xác lập quan hệ vợ chồng với ông Tống Văn L, sinh năm 1967, địa chỉ ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 1997 thì bà và ông L có 01 người con chung tên Tống Nhơn Q, sinh ngày 15/9/1997. Sau khi sinh anh Q bà chưa làm khai sinh đến năm 1998, do bị ông L đánh đập nên bà đã rời bỏ nhà chồng để lại anh Q cho ông L nuôi dưỡng. Đến năm 2001, ông L đi làm giấy khai sinh cho anh Q ông khai tên mẹ anh Q là Nguyễn Thị B, sinh năm 1967, địa chỉ ấp A, xã A, huyện L tỉnh Sóc

Trăng. Thực ra do ông L không nhớ rõ tên trong giấy tờ và địa chỉ của bà nên khai tên mẹ anh Q sai và sai cả địa chỉ. Từ trước đến nay ông L chỉ đám cưới và sống chung với một mình bà, sau khi bà bỏ nhà đi vẫn qua lại thăm và chăm sóc con thì thấy ông L sống một mình nuôi anh Q cho đến ngày 12/01/2020 thì ông chết. Ông L không sống chung hay có người vợ là người phụ nữ nào khác, chỉ vì trước đây tên thường gọi của bà là B nên ông L khai sinh cho con như vậy. Nay bà và anh Q có nhu cầu xác định mẹ con nên đã làm giám định DNA, kết quả bà và anh Q là mẹ con. Do đó bà yêu cầu xác định anh Tống Nhơn Q, sinh ngày 15/9/1997, địa chỉ ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh là con ruột của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên họp:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Tống Nhơn Q, sinh ngày 15/9/1997 là con ruột của bà Nguyễn Thị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý việc dân sự và tại phiên họp đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, tuyên bố anh Tống Nhơn Q, sinh ngày 15/9/1997, địa chỉ ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh là con ruột của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét giải quyết nghĩa vụ chịu lệ phí việc dân sự, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện TC nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc xác định anh Tống Nhơn Q, sinh ngày 15/9/1997 là con của bà, đồng thời sau khi thụ lý vụ việc anh Tống Nhơn Q cũng có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TC giải quyết xác định bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột của anh. Anh Q và bà T đều có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TC giải quyết vụ việc do đó vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC theo quy định tại khoản 10 Điều 29, Điều 35 và Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tống Nhơn Q vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt anh Q.

[3] Về yêu cầu của đương sự bà Nguyễn Thị T yêu cầu xác định anh Tống Nhơn Q là con của bà, anh Tống Nhơn Q cũng yêu cầu xác định bà T là mẹ của anh. Nộp kèm theo đơn yêu cầu bà T còn nộp phiếu kết quả phân tích DNA ngày 28/11/2024 của trung tâm X (Công ty trách nhiệm hữu hạn A) kết luận "*Mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Thị T và mẫu ADN ký hiệu Tống Nhơn Quí có quan hệ mẹ- con, tần suất 99,999999999664%*"

Tại đơn xin xác nhận ngày 12/02/2025 của bà Nguyễn Thị T được trưởng ban N xác nhận cũng thể hiện việc ông L khai sinh cho con để tên mẹ trong khai sinh là nhầm lẫn. Tại phiên họp bà T vẫn xác định sau khi bà bỏ đi ông L không sống chung hay kết hôn với người phụ nữ khác. Bà vẫn thường qua lại thăm nom chăm sóc anh Q tại ấp T, xã L cho tới khi ông L chết. Do đó đủ căn cứ khẳng định việc ông L khai sinh tên mẹ anh Q là Nguyễn Thị B là do nhầm lẫn, bà Nguyễn Thị T mới là mẹ ruột của anh Tống Nhơn Q. Do đó căn cứ Điều 89, 101 và 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T xác định anh Tống Nhơn Q, sinh ngày 15/9/1997 là con của bà Nguyễn Thị T

[4] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân, gia đình sơ thẩm: Người yêu cầu là bà Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29; Điều 35; Điều 39; Điều 149, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 89, 101, 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị T.

Xác định anh Tống Nhơn Q, sinh ngày 15/9/1997, địa chỉ ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh là con ruột của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị T và anh Tống Nhơn Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc cải chính hộ tịch cho anh Tống Nhơn Q theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà T đã nộp theo biên lai thu số 0006580 ngày 10/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TV;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện TC;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Võ Thị Ngọc Quyền